

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HSPT

Ngày: 11- 6 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Thẩm phán:

Bà **Huỳnh Thị Kiều Duyên**

Bà **Nguyễn Thị Tư**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Văn Thiết** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 53/2024/HSPT ngày 03/5/2024 đối với các bị cáo Phạm Nhựt T, Phan Phúc H, Phạm Hoàng Đ và Lê Minh K. Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T và kháng cáo của bị cáo Phan Phúc H đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2024/HSST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo, kháng nghị:

1. Bị cáo **Phạm Nhựt T**, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2001 tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi thường trú: Số 78A, khóm T1, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Nơi ở hiện tại: Nhà trọ V thuộc khóm 2, phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Trần Thị L; bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: không. Tiền án: không. Nhân thân: Tại Bản án số 40/2023/HSST, ngày 04/08/2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 04 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Bị cáo đang chấp hành án, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Phan Phúc H**, sinh ngày 22 tháng 7 năm 2001 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi thường trú: Tổ 09, ấp P1, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề

nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H và bà Huỳnh Ngọc Đ; bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: không. Tiền án: 01 lần, tại Bản án số 08A, ngày 27/02/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 năm 09 tháng tù về tội “*Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*” theo khoản 1 Điều 142 của Bộ luật hình sự, đã chấp hành xong hình phạt ngày 02/09/2021. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/07/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo **Phạm Hoàng Đ**, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2001 tại tỉnh Vĩnh Long; Nơi thường trú: Số 23C, khóm T1, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Nơi ở hiện tại: Nhà trọ T thuộc ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Lê T và bà Nguyễn Thị P; bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: không. Tiền án: không. Nhân thân: Tại Bản án số 40/2023/HSST, ngày 04/08/2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Bị cáo đang chấp hành án, có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo **Lê Minh K**, sinh ngày 12 tháng 10 năm 2001 tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi thường trú: số 95, khóm P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Nơi ở hiện tại: Nhà trọ T thuộc ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: không. Tiền án: không. Nhân thân: Tại Bản án số 40/2023/HSST, ngày 04/08/2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Bị cáo đang chấp hành án, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Phúc H là ông Trần Hoàng T – Luật sư của Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

Bị hại:

1. Lại Thanh B, sinh năm 1982 (Vắng).

Nơi cư trú: ấp P2, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Nguyễn Thị L, sinh năm 1982 (Vắng).

Nơi cư trú: Số 52/2 N, phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Lê Chí H, sinh năm 1983 (Vắng).

Nơi cư trú: ấp 5, xã P3, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 06/2022, Phạm Nhựt T cùng với Phan Phúc H, Phạm Hoàng Đ và Lê Minh K đã cùng nhau mua các xe mô tô không có giấy tờ hợp pháp, không rõ nguồn gốc trên mạng xã hội (zalo và Facebook) của đối tượng Nguyễn Quang T, sinh ngày 15/3/1997, nơi thường trú: Tổ dân phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai từ thành phố Hồ Chí Minh mang về nhà trọ Tú Quyên của Đ thuê thuộc ấp P, xã Tân Thạnh Đông, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và nhà trọ Vy An của T thuê thuộc khóm 2, phường 1, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi đem xe về, T giao K và Đ trực tiếp tháo gỡ các biển số được gắn trên xe và thay biển mới là biển giả vào các xe mô tô đã mua và sử dụng giấy Đ ký xe mô tô và căn cước công dân giả rồi mang đi cầm cố tại các dịch vụ cầm đồ trên địa bàn huyện C, tỉnh Đồng Tháp và huyện T, tỉnh Vĩnh Long để hưởng tiền chênh lệch.

Với thủ đoạn như trên từ ngày 10/10/2022 đến ngày 30/10/2022, Phạm Nhựt T, Phan Phúc H, Phạm Hoàng Đ và Lê Minh K mang các xe mô tô gắn biển số giả và căn cước công dân giả đến dịch vụ cầm đồ B và dịch vụ cầm đồ H, thuộc xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để cầm xe của dịch vụ cầm đồ B và H. Phạm Nhựt T, Lê Minh K, Phạm Hoàng Đ và Phan Phúc H mang 07 (bảy) xe mô tô đến dịch vụ cầm đồ B thuộc ấp P4, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

- *Lần thứ nhất:* Vào khoảng 15 giờ ngày 10/10/2022, Phạm Nhựt T cùng với Lê Minh K đi bằng hai xe mô tô từ nhà trọ Vy An của T đến dịch vụ cầm đồ B. K điều khiển một xe mô tô không nhớ biển số đi theo cùng T để chở T về khi đã cầm được xe. T trực tiếp điều khiển xe mô tô gắn biển số 64B2 - 632.21 (*là biển số giả*), nhãn hiệu: HONDA, số loại: AIRBLADE 1501, màu sơn: Đỏ, số khung: RLHJF6332LZ060745; số máy: JF94E0151165 cùng giấy tờ giả gồm: Giấy Chứng nhận Đ ký xe mô tô biển số 64B2 – 632.21 và bản photo căn cước công dân số 086099123009 cùng mang tên Phạm Phúc L, sinh ngày 07/6/1999, nơi thường trú: ấp T1, xã T, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (*ảnh trên căn cước công dân là ảnh của T*) đến dịch vụ cầm đồ B. T trực tiếp vào cầm xe mô tô trên cho ông Lại Thanh B, sinh năm 1982, nơi thường trú: ấp P1, xã P4, huyện T, tỉnh Vĩnh Long được số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*). T ký tên và ghi họ tên vào biên nhận cầm đồ tên Phạm Phúc Lộc. Sau khi cầm được xe, T chia cho K số tiền là 700.000 đồng, số tiền còn lại T cất giữ. Sau đó, T dẫn Đ, K và H cùng đi ăn uống từ số tiền đã cầm được xe.

- *Lần thứ hai và lần thứ ba:*

+ Vào trưa ngày 11/10/2022, T cùng với Phạm Hoàng Đ đi bằng 02 xe mô tô đến dịch vụ cầm đồ B. T điều khiển một xe mô tô không nhớ biển số đi cùng với Đ để chở Đ về khi đã cầm được xe. Đ điều khiển xe mô tô gắn biển số 64B2

– 355.28 (*là biển số giả*), nhãn hiệu: HONDA, số loại: VARIO 150, màu sơn: Trắng, cùng giấy tờ giả gồm: Giấy chứng nhận Đ ký xe mô tô biển số 64B2 – 355.28 và bản phô tô căn cước công dân số 086099123009 cũng mang tên Nguyễn Phúc Tài, sinh ngày 02/8/1999, nơi thường trú: ấp Hòa Thạnh, xã Thạnh Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (*ảnh trong căn cước công dân là của Đ*). Đ trực tiếp vào cầm xe mô tô này cho bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982, nơi thường trú: Số 52/2, Nguyễn Huệ, phường 2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (*là vợ của ông Bình*) với số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*). Đ ký vào biên nhận cầm đồ với tên Nguyễn Phúc Tài. Sau đó, Đ mang tiền ra đưa cho T, T cho Đ số tiền là 1.000.000 đồng, số tiền còn lại T cất giữ.

+ Vào khoảng 18 giờ cùng ngày 11/10/2022, T cùng với Đ đi bằng 02 xe mô tô đến dịch vụ cầm đồ B. T điều khiển 01 xe mô tô không nhớ biển số đi cùng với Đ để chở Đ về khi đã cầm được xe. Đ điều khiển xe mô tô mang biển số 64B2 – 225.39 (*là biển số giả*), nhãn hiệu: HONDA, số loại: SH MODE, màu sơn: Đen, cùng các giấy tờ giả gồm: Giấy chứng nhận Đ ký xe mô tô biển số 64B2 – 225.39 và bản phô tô căn cước công dân 086099123009 cũng mang tên Nguyễn Phúc Tài (*với thông tin như trên*). Đ trực tiếp vào cầm xe cho ông Bình được số tiền 27.000.000 đồng (*hai mươi bảy triệu đồng*). Đ ký tên vào biên nhận cầm đồ với tên Nguyễn Phúc Tài. Sau khi cầm được xe, Đ mang tiền ra đưa cho T. T cho Đ số tiền là 450.000 đồng. Số tiền còn lại T cất giữ. Sau đó, T chia cho H số tiền cầm được hai xe mô tô trong ngày 11/10/2022 với số tiền khoảng 1.000.000 đồng.

- *Lần thứ tư*: Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 13/10/2022, Phan Phúc H một mình điều khiển xe mô tô gắn biển số 66B1-268.27 (*biển số giả*), nhãn hiệu: HONDA, số loại: VARIO 150, số máy: JM51E1592008, số khung: MH1JM511LK592690, màu sơn: Đen cùng giấy tờ giả gồm: Giấy chứng nhận Đ ký xe mô tô, xe gắn máy biển số 66B1-268.67 và bản phô tô căn cước công dân số 087202123009 cũng mang tên Phạm Văn T, sinh ngày 15/6/2000, nơi thường trú: Số 984/E, ấp Tân Phú, xã Tân Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (*ảnh trong căn cước công dân là của H*) đến dịch vụ cầm đồ B. H trực tiếp cầm xe mô tô này cho bà Nguyễn Thị L (*vợ ông Bình*) với số tiền: 27.000.000 đồng (*hai mươi bảy triệu đồng*). H ký tên vào biên nhận cầm đồ với tên Phạm Văn T. Đến ngày 08/02/2023, khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T mời H làm việc thì H biết sự việc đã bị phát hiện, H nhờ gia đình đến dịch vụ cầm đồ B xin chuộc lại xe mô tô trên.

- *Lần thứ năm*: Vào khoảng 09 giờ ngày 14/10/2022, T cùng với K đi bằng 02 xe mô tô đến dịch vụ cầm đồ B. K điều khiển một xe mô tô không nhớ biển số đi theo cùng T để chở T về. T điều khiển xe mô tô gắn biển số 64B2 – 553.20

(là biển số giả), nhãn hiệu: HONDA, số loại: SH MODE, màu sơn Trắng, cùng các giấy tờ giả gồm: giấy Chứng nhận Đ ký xe mô tô biển số 64B2 - 553.20 và bản phô tô căn cước công dân số 086099123009 mang tên Phạm Phúc Lộc (*ảnh trong căn cước công dân là của T*). T ký tên vào biên nhận cầm đồ với tên Phạm Phúc Lộc. T trực tiếp vào cầm xe mô tô này cho ông Bình được số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). T cho K số tiền là 500.000 đồng, số tiền còn lại T cất giữ.

- *Lần thứ sáu*: Vào khoảng 12 giờ ngày 27/10/2022, T cùng với Phan Phúc H đi bằng 02 xe mô tô đến dịch vụ cầm đồ B. H điều khiển một xe mô tô không nhớ biển số đi cùng để chở T về. H đợi bên ngoài. T điều khiển xe mô tô gắn biển số 64B2 – 664.34 (là biển số giả), nhãn hiệu: HONDA, số loại: VARIO 125, màu sơn Trắng, cùng các giấy tờ giả gồm: Giấy chứng nhận Đ ký xe mô tô biển số 64B2 – 664.34 và bản phô tô căn cước công dân số 086099123009 cũng mang tên Phạm Phúc Lộc (*ảnh trong căn cước công dân là của T*). T trực tiếp vào cầm xe mô tô trên cho ông Bình được số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng). T ký tên vào Biên nhận cầm đồ với tên Phạm Phúc Lộc. Sau khi cầm được xe, T chia cho H số tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng (T không nhớ rõ).

- *Lần thứ bảy*: Vào khoảng 11 giờ ngày 30/10/2022, T cùng với K đi bằng 02 xe mô tô đến dịch vụ cầm đồ B. T điều khiển một xe mô tô không nhớ biển số đi theo chở K về. K điều khiển xe mô tô gắn biển số 64B2-553.67 (là biển số giả), nhãn hiệu: HONDA, số loại: SH MODE, màu sơn Đỏ, cùng các giấy tờ giả gồm: Giấy chứng nhận Đ ký xe mô tô 64B2-553.67 và Giấy căn cước công dân số 086099156489 cũng mang tên Hồ Gia Hào, sinh ngày 02/7/1999, nơi thường trú: ấp Hòa Thạnh 2, xã Thạnh Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (*ảnh trong căn cước công dân là của K*). K trực tiếp vào cầm xe cho ông Bình với số tiền 42.000.000 đồng (bốn mươi hai triệu đồng). K ký tên vào biên nhận cầm đồ với tên Hồ Gia Hào. Sau đó, K mang tiền ra đưa cho T. T cho K số tiền là 1.000.000 đồng, số tiền còn lại T cất giữ.

Ngoài ra, Phạm Nhật T cùng Phan Phúc H, Phạm Hoàng Đ và Lê Minh K còn mang 02 (hai) xe mô tô đến dịch vụ cầm đồ H tại ấp Phú T, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

- *Lần thứ nhất*: Vào khoảng 13 giờ ngày 23/10/2022, T kêu K và Đ đi bằng hai xe mô tô đến dịch vụ cầm đồ H để cầm xe mô tô mang biển số 64B2 - 345.38 (là biển số giả), nhãn hiệu: HONDA, số loại: SONIC, màu sơn Đen-Đỏ cùng các giấy tờ giả gồm: Giấy chứng nhận Đ ký xe mô tô mang biển số 64B2-345.38 và Giấy căn cước công dân cũng mang tên Hồ Gia Hào (*ảnh trong căn cước công dân là của K*). Đ điều khiển một xe mô tô loại Vario màu trắng

không nhớ biển số đi cùng K để chở K về. K điều khiển xe mô tô gắn biển số giả 64B2-345.38 có đặc điểm nêu trên đi đến dịch vụ cầm đồ H và trực tiếp vào cầm xe mô tô này cho ông Lê Chí H, sinh năm 1983, nơi thường trú: ấp 5, xã P3, huyện T, tỉnh Vĩnh Long được số tiền là 22.000.000 đồng (*hai mươi hai triệu đồng*). K ký tên vào biên nhận cầm đồ với tên Hồ Gia Hào. Sau đó, K đưa tiền cầm xe cho Đ. Đ chuyển tiền cho T qua tài khoản Momo số tiền 21.000.000 đồng. K và Đ tự chia nhau mỗi người 500.000 đồng.

- *Lần thứ hai*: Ngày 28/10/2022, T cùng với H đi bằng hai xe mô tô đến dịch vụ cầm đồ H. H điều khiển một xe mô tô không nhớ biển số đi cùng T để chở T về sau khi cầm được xe. T điều khiển xe mô tô gắn biển số 64B2-235.39 (*là biển số giả*), nhãn hiệu: HONDA, số loại: FUTURE, màu sơn: Đỏ cùng các giấy tờ giả là Giấy chứng nhận Đ ký xe và căn cước công dân cùng mang tên Phạm Phúc Lộc. T trực tiếp vào cầm xe mô tô này với ông Lê Chí H với số tiền là 18.000.000 đồng (*mười tám triệu đồng*). T ký tên vào Hợp đồng cầm đồ với tên Phạm Phúc Lộc. T cất giữ số tiền cầm xe trên.

- *Về nguồn gốc các căn cước công dân (tên Phạm Phúc L, Hồ Gia H, Nguyễn Phúc T, Phạm Văn T)*: Vào tháng 04/2022, Phan Phúc H mua một xe mô tô nhãn hiệu HONDA SONIC không có giấy Đ ký xe. Thời điểm này, H đặt mua một căn cước công dân giả cho K và lấy tên Phạm Bảo Khương và đặt mua một Giấy chứng nhận Đ ký xe mô tô có số khung số máy của xe mô tô nhãn hiệu HONDA SONIC nêu trên. Sau đó, H mới kêu K cùng với T mang xe mô tô này đến dịch vụ cầm đồ Tây Nam Bộ tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp cầm chiếm đoạt số tiền 27.000.000 đồng (*hai mươi bảy triệu đồng*).

Sau khi T và K cầm cố được xe mô tô trên. T cùng với H, K và Đ gặp nhau tại quán nhậu thuộc thành phố Sa Đéc thì H nói với T, K, Đ: “*Để đưa tiền cho làm xe, đặt giấy tờ sẵn rồi chỉ cho đi cầm*”, T đồng ý và nói: “*Có gì mà chỉ tao với tụi nó, chứ tao cũng không biết gì*”. H nói với T: “*Giấy tờ (căn cước công dân) tao đặt sẵn rồi, đợi tao kiểm xe, tao với mày coi rồi chọn chiếc nào thì đặt giấy tờ chiếc đó và mua xe về đưa cho tụi nó (K và Đ) đi cầm*”. K và Đ cũng nghe và đồng ý.

Khoảng tháng 10/2022, H đã đặt mua xong 04 căn cước công dân có tên Phạm Văn T, Phạm Phúc L, Hồ Gia H và Nguyễn Phúc T xong. Hình ảnh trong căn cước công dân là hình ảnh của T, K, Đ và H. Hình ảnh của T và K là do T gửi trực tiếp qua mạng xã hội Zalo cho H để H đặt mua Thẻ căn cước công dân giả với tên Phạm Phúc Lộc và Hồ Gia Hào. Hình ảnh trong thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Phúc Tài là hình ảnh của Đ và do H kêu Đ trực tiếp gửi ảnh của Đ qua Zalo cho H để H đặt mua thẻ căn cước công dân giả. Mỗi căn cước công dân được H mua trên mạng xã hội Zalo của người có nick name tên

“Mr Trung” với giá mỗi căn cước công dân là 1.200.000đ (*một triệu hai trăm nghìn đồng*). H là người trực tiếp đặt mua và thanh toán tiền mua các căn cước công dân giả nêu trên.

- *Về nguồn gốc các Biển số xe giả*: Do T và H là người trực tiếp nghĩ ra các số trên Biển số xe và H trực tiếp đặt mua trên mạng xã hội Zalo tên “*Chuyên biển số*” với giá mỗi biển số là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*). H là người đưa tiền ra cho K và Đ đi nhận biển số giả và mang về phòng trọ của K và Đ cất giữ. Hình thức thanh toán tiền mua biển số xe mô tô giả. H đặt cọc trước 100.000đ đến 200.000đ. Các biển số xe được gửi về bằng đường chuyển phát nhanh. K và Đ nhận các biển số này rồi thanh toán số tiền còn lại với bên giao hàng.

- *Về nguồn gốc 08 Giấy chứng nhận Đ ký xe mô tô giả*: Sau khi T và H cùng xem xe trên mạng xã hội (Zalo, Facebook) của Nguyễn Quang Thắng xong và thỏa thuận giá mua thì T và H kêu bên bán xe cung cấp số khung, số máy trên xe trước khi mua. Sau khi có số khung và số máy, đặc điểm xe mô tô mà T và H chọn mua thì H và T trực tiếp đặt mua Giấy chứng nhận Đ ký xe mô tô qua mạng xã hội Zalo của người có nick name tên “*Hoàng Gia Bảo*” (*chưa rõ họ tên, địa chỉ*). Giá mua mỗi giấy chứng nhận Đ ký xe mô tô giả từ 800.000đ đến 1.000.000đ. T và H chuyển tiền mua đến số tài khoản của người nhận tên Nguyễn Thị Duyên - Ngân hàng Vietcombank (*chưa xác định được chủ tài khoản*). Các Giấy chứng nhận Đ ký xe mô tô giả được gửi qua đường chuyển phát nhanh. Ngoài ra, bằng thủ đoạn như trên, Phạm Nhật T, Lê Minh K và Phạm Hoàng Đ còn thực hiện hai lần phạm tội trên địa bàn huyện C, tỉnh Đồng Tháp và tại dịch vụ cầm đồ B như sau:

- *Lần thứ nhất*: Ngày 21/6/2022, T cùng K mang xe mô tô biển số 67D1-223.36 nhãn hiệu HONDA, số loại SONIC cùng giấy tờ giả gồm: Giấy Đ ký xe mô tô biển số 67D1-223.36 và căn cước công dân tên Phạm Bảo Khương, sinh năm 1993, nơi thường trú: ấp Bình Thành, xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (*ảnh trong căn cước công dân là của K*) đến tiệm cầm đồ Tây Nam Bộ thuộc ấp Tân Lập, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp để cầm cố. K trực tiếp vào cầm cố xe cho ông Hoàng Anh Hiếu, sinh năm 2000, ngụ số 47, phường Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng (*là quản lý tiệm cầm đồ Tây Nam Bộ*) với số tiền 27.000.000 đồng (*hai mươi bảy triệu đồng*).

Lần thứ hai: Ngày 13/10/2022, Phạm Nhật T kêu Đ và K mang một xe mô tô gắn biển số 64B2-534.22 nhãn hiệu Honda, số loại Vario 150 màu nâu xám, cùng giấy tờ giả mang tên Hồ Gia Hào đến dịch vụ cầm đồ B. K trực tiếp cầm xe cho ông Lại Thanh B với số tiền là 24.000.000 đồng (*hai mươi bốn triệu đồng*). T cho K 700.000 đồng và cho Đ 300.000 đồng.

Đến ngày 19/11/2022, Lê Minh K, Phạm Hoàng Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Đồng Tháp tự thú về hành vi phạm tội của mình. Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tiến hành bắt khẩn cấp Phạm Nhựt T, đồng thời thu giữ các đồ vật, tài liệu, vật chứng có liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại Kết luận giám định số: 1113/KL-KTHS ngày 29/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: “*Thẻ căn cước công dân số 086099156489 cùng mang tên mang tên Hồ Gia Hào, sinh ngày 02/7/1999, nơi thường trú: ấp Hòa Thạnh 2, xã Thạnh Quới, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long là giả*”.

Ngày 23/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Đồng Tháp Thông báo về nguồn tin tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Long để phối hợp điều tra.

Ngày 14/12/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định số 42 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long giám định 08 giấy chứng nhận Đ ký xe mô tô, xe máy nêu trên. Ngày 30/12/2022, Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Long có Kết luận giám định số: 943/KL-KTHS, kết luận:

- 08 (tám) Phôi giấy “CHỨNG NHẬN Đ KÝ XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY” cần giám định là phôi giả.

- Hình dấu tròn cần giám định trên 08 giấy “CHỨNG NHẬN Đ KÝ XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY” là không phải do con dấu có hình dấu mẫu so sánh đóng ra.

- Chữ ký cần giám định mang tên Thượng tá Trần Ngọc Đồi trên 08 giấy “CHỨNG NHẬN Đ KÝ XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY” so với chữ ký mẫu so sánh là không phải do cùng một người ký ra.

Trước cơ quan điều tra T, Đ và K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan đến vụ án, cùng các tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án. Phan Phúc H luôn quanh co chối tội và không thừa nhận hành vi của mình.

Tuy nhiên, với những chứng cứ thu thập được trong hồ sơ như: Lời khai của Phạm Nhựt T, Lê Minh K và Phạm Hoàng Đ đều khẳng định H có vai trò đồng phạm trong việc đặt mua và cầm cố các xe mô tô nêu trên; kết luận giám định; kết quả sao kê giao dịch qua tài khoản ngân hàng của Phạm Nhựt T, Phan Phúc H, Nguyễn Quang Thắng,...) đã chứng minh được hành vi của Phan Phúc H với vai trò là đồng phạm trong việc đặt mua xe không rõ nguồn gốc, giấy Đ ký xe, căn cước công dân giả, biển số xe giả để cùng với các bị cáo T, Đ và K mang 09 (chín) xe mô tô nêu trên đến cầm cố tại dịch vụ cầm đồ B và H thuộc

ấp P4 và ấp Phú T, xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để lừa đảo chiếm đoạt với tổng số tiền là 261.000.000 đồng (*hai trăm sáu mươi một triệu đồng*).

Với những chứng cứ nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với các bị can Phạm Nhật T, Phạm Hoàng Đ, Lê Minh K và Phan Phúc H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, theo quy định tại khoản 3 Điều 174 và khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự để tiến hành điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối tượng Nguyễn Quang Thắng thừa nhận đã bán các xe mô tô nêu trên cho bị cáo Phạm Nhật T như đã nêu trên. Sau khi thống nhất việc mua bán xe thì T, Đ, H chuyển khoản đến số tài khoản của Thắng để trả tiền mua xe, Thắng gửi xe về cho T qua xe khách Thanh Phong từ thành phố Hồ Chí Minh về cho T. Về nguồn gốc các xe mà Thắng bán cho T là Thắng mua lại từ nhóm “*Hội Xe Noop*” trên mạng xã hội facebook rồi bán lại cho T để thu lợi bất chính. Các xe mô tô đều không rõ nguồn gốc. Nguyễn Quang Thắng đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với ông Lại Thanh B, bà Nguyễn Thị L và ông Lê Chí H do không biết các xe mô tô mà các bị cáo sử dụng giấy tờ giả đem cầm là tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T không đề cập xử lý ông Bình, bà Hằng và ông Hải về hành vi này.

Đối với Võ Thuỷ Tiên, sinh năm 2002, ngụ ấp An Lợi, xã An Khánh, huyện C, tỉnh Đồng Tháp là bạn gái của Phạm Hoàng Đ. Tiên ở cùng phòng trọ Tú Quyên (*thuộc ấp P, xã Tân Thạnh Đông, huyện C, tỉnh Đồng Tháp*) với Đ. Tiên có biết các bị cáo T, H, Đ và K có hoạt động mua bán xe nhưng không biết việc các bị cáo sử dụng giấy tờ giả thực hiện hành vi phạm tội nên hành vi của Tiên không đủ yếu tố cấu thành tội “*Không tố giác tội phạm*” theo Điều 390 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra xác minh nguồn gốc 08 xe mô tô nêu trên được cầm cố tại dịch vụ cầm đồ B và H đều là tài sản bị mất trộm.

Đối với (01) một xe mô tô gắn biển số giả 64B2-345.38. Qua tra cứu kết quả xe có số khung: MHIKB1115JK161976; số máy: KB11E1161976. Kết quả xe mô tô này mang biển số 78D1-334.67, chủ xe: Nguyễn Văn Ngoãn, địa chỉ: thôn Bình Thạnh Nam, xã Xuân Bình, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã bàn giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với hành vi của Phạm Nhật T cùng đồng bọn mua các xe mô tô không rõ nguồn gốc của Nguyễn Quang Thắng như đã nêu trên. Xét thấy có dấu hiệu

của tội phạm “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Ngày 20/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự số 05, khởi tố bổ sung vụ án hình sự: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 3 Điều 323 Bộ luật Hình sự để tiến hành điều tra.

Ngày 28/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định tách vụ án “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” của bị cáo Phạm Nhựt T, Phạm Hoàng Đ, Lê Minh K, Phạm Phúc H và Nguyễn Quang Thắng để tiếp tục xác minh, điều tra về hành vi “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 3 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi của Phạm Nhựt T, Lê Minh K và Phạm Hoàng Đ cầm 02 xe mô tô nêu trên tại dịch vụ cầm đồ Tây Nam Bộ và B đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp đưa ra xét xử tại Bản án số 40/2023/HSST ngày 04/8/2023. Hiện nay, Phạm Nhựt T, Lê Minh K và Phạm Hoàng Đ đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Cao Lãnh.

Ngày 17/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định số 32 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long giám định hình dấu, chữ ký trên giấy chứng nhận Đ ký xe mô tô, xe máy. Ngày 01/06/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Long có Kết luận giám định số: 332/KL-KTHS, kết luận:

- Hình dấu cần giám định trên giấy “*CHỨNG NHẬN Đ KÝ XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY*”, số 66003579, cấp ngày 08/11/2021 so với hình dấu mẫu so sánh là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký cần giám định mang tên Thượng tá Trần Phú Quốc trên giấy “*CHỨNG NHẬN Đ KÝ XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY*”, số 66003579, cấp ngày 08/11/2021 so với chữ ký mẫu so sánh mang tên Thượng tá Trần Phú Quốc là không phải do cùng một người ký ra.

Ngày 26/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định trưng cầu giám định số 38 trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long giám định số khung, số máy 09 xe mô tô của các bị cáo mang đến cầm cố tại dịch vụ cầm đồ B và H. Ngày 07/06/2023, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long có Kết luận giám định số 354/KL-KTHS, kết luận: “*Số khung, số máy 09 (chín) xe mô tô nêu tại mục 1 phần II của kết luận giám định này không bị đục sửa, không bị cắt hàn tại vị trí đóng số*”.

Ngày 12/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Long ra Quyết định yêu cầu định giá tài sản số 22 trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T định giá 09 xe mô tô của các bị cáo mang đến dịch vụ cầm đồ B và H cầm cố nêu trên. Ngày 16/6/2023, Hội đồng định giá

tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T ra Bản kết luận định giá tài sản số 18/KL.ĐGTS kết luận:

- 01 (một) xe mô tô (*gắn biển số giả 64B2-632.21*) nhãn hiệu: HONDA; số loại: AIR BLADE 1501; màu sơn: Đỏ; số khung: RLHJF6332LZ060745; số máy: JF94E0151165, đã qua sử dụng, trị giá 36.000.000 đồng (*ba mươi sáu triệu đồng*).

- 01 (một) xe mô tô (*gắn biển số giả 64B2-355.28*) nhãn hiệu: HONDA; số loại: VARIO 150; màu sơn: Trắng; số khung: MHIKF4110KK683969; số máy: KF41E1686679, đã qua sử dụng, trị giá 37.000.000 đồng (*ba mươi bảy triệu đồng*).

- 01 (một) xe mô tô (*gắn biển số giả 64B2-255.39*) nhãn hiệu: HONDA; số loại: SH MODE; màu sơn: Đen; số khung: RLHJF5100DY082625; số máy: JF51E0082718, đã qua sử dụng, trị giá 31.000.000 đồng (*ba mươi một triệu đồng*).

- 01 (một) xe mô tô (*gắn biển số giả 64B2-553.20*) nhãn hiệu: HONDA; số loại: SH MODE; màu sơn: Trắng; số khung: RLHJF5154KZ051560; số máy: JF87E5120557, đã qua sử dụng, trị giá 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*).

- 01 (một) xe mô tô (*gắn biển số giả 64B2-664.34*) nhãn hiệu: HONDA; số loại: VARIO 125; màu sơn: trắng; số khung: MHIJM5118MK968784; số máy: JM51E1967980, đã qua sử dụng trị giá 33.000.000 đồng (*ba mươi ba triệu đồng*).

- 01 (một) xe mô tô (*gắn biển số giả 64B2-553.67*) nhãn hiệu: HONDA SH MODE; màu sơn: đỏ; số khung: RLHJK0116LZ600608; số máy: JK01E0001511, đã qua sử dụng, trị giá 46.000.000 đồng (*bốn mươi sáu triệu đồng*).

- 01 (một) xe mô tô (*gắn biển số giả 66B1-268.27*) nhãn hiệu: HONDA; số loại: VARIO 150; màu sơn: Đen; số khung: MH1JM5115LK592690; số máy: JM51E1592008, đã qua sử dụng, trị giá 33.000.000 đồng (*ba mươi ba triệu đồng*).

- 01 (một) xe mô tô (*gắn biển số giả 64B2-235.39*) nhãn hiệu: HONDA, số loại: FUTURE FI; màu sơn: Đỏ; số khung: RLHJC7633JZ012033; số máy: JC76E0317703, đã qua sử dụng, trị giá 22.000.000 đồng (*hai mươi hai triệu đồng*).

- 01 (một) xe mô tô (*gắn biển số giả 64B2 – 345.38*) nhãn hiệu: HONDA, số loại: SONIC, màu sơn: Đen Đỏ, số khung: MHIKB1115JK161976; số máy: KBIIE1161976, đã qua sử dụng, trị giá 26.000.000 đồng (*hai mươi sáu triệu đồng*).

Tổng giá trị tài sản định giá là: 309.000.000 đồng (*ba trăm lẻ chín triệu đồng*).

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA SH MODE; màu sơn: Đỏ; số khung: RLHJK0116LZ600608; số máy: JK01E0001511 (*đã qua sử dụng*).

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA; số loại: SH MODE; màu sơn: Đen; số khung: RLHJF5100DY082625; số máy: JF51E0082718 (*đã qua sử dụng*).

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA; số loại: AIR BLADE 1501; màu sơn: Đỏ; số khung: RLHJF6332LZ060745; số máy: JF94E0151165 (*đã qua sử dụng*).

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA; số loại: VARIO 150; màu sơn: Trắng, số khung: MHIKF4110KK683969; số máy: KF41E1686679 (*đã qua sử dụng*).

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA; số loại: SH MODE; màu sơn: Trắng; số khung: RLHJF5154KZ051560; số máy: JF87E5120557 (*đã qua sử dụng*).

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA; số loại: VARIO 125; màu sơn: trắng, số khung: MH1JM5118MK968784; số máy: JM51E1967980 (*đã qua sử dụng*).

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA; số loại: VARIO 150; màu sơn: Đen; số khung: MH1JM5115LK592690; số máy: JM51E1592008 (*đã qua sử dụng*).

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: FUTURE FI; màu sơn: Đỏ, số khung: RLHJC7633JZ012033; số máy: JC76E0317703 (*đã qua sử dụng*).

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: SONIC, màu sơn: Đen, Đỏ, số khung: MHIKB1115JK161976; số máy: KB11E1161976 (*đã qua sử dụng*).

- *Tiền Việt Nam*: 27.000.000 đồng (*hai mươi bảy triệu đồng*) do ông Phan Văn Hiền, sinh năm 1976 và bà Huỳnh Ngọc Đào, sinh năm 1976, cùng ngụ ấp Phú Mỹ, xã Phú Long, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (*là cha mẹ ruột của Phan Phúc H*) nộp để bồi thường cho H.

- *Tiền Việt Nam*: 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) do bà Trần Thị Lan, sinh năm 1976, nơi thường trú: 78A, khóm Tân Thạnh, phường Tân Hội, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (*là mẹ ruột của bị cáo Phạm Nhật T*) tự nguyện giao nộp để bồi thường cho Phạm Nhật T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13, đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động (*được niêm phong*) của bị cáo Phan Phúc H.

- 09 (chín) biển số xe mô tô gồm: 64B2-632.21, 64B2-355.28, 64B2-225.39, 64B2-553.20, 64B2-664.34, 64B2-553.67, 66B1-268.27, 64B2-235.39, 64B2-345.38.

- 09 (chín) giấy chứng nhận Đ ký xe mô tô, xe máy biển số 64B2-632.21, 64B2-355.28, 64B2-225.39, 64B2-553.20, 64B2-664.34, 64B2-553.67, 66B1-268.27, 64B2-235.39, 64B2-345.38.

- 07 (bảy) biên nhận cầm đồ và 04 (bốn) căn cước công dân mang tên Phạm Phúc L, Nguyễn Phúc T, Phạm Văn T và Hồ Gia H (bản phô tô) do ông Lại Thanh B giao nộp và 02 hợp đồng cầm đồ và 02 (hai) căn cước công dân mang tên Phạm Phúc Lộc và Hồ Gia Hào (bản phô tô) do ông Lê Chí H giao nộp.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đưa vào hồ sơ vụ án đối với các biên nhận cầm đồ, căn cước công dân và các giấy chứng nhận Đ ký xe nêu trên.

Xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, tỉnh Vĩnh Long đã bàn giao vật chứng gồm:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA SH MODE; màu sơn: đỏ; số khung: RLHJK0116LZ600608; số máy: JK01E0001511; đã qua sử dụng và một biển số xe mô tô số 71C3 – 440.48 đã chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh do có liên quan đến vụ án Trộm cắp tài sản do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đang thụ lý điều tra.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA; số loại: SH MODE; màu sơn: Đen; số khung: RLHJF5100DY082625; số máy: JF51E0082718 và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: SONIC, màu sơn: Đen, Đỏ, số khung: MHIKB1115JK161976; số máy: KB11E1161976 (*đã qua sử dụng*) đã chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương do có liên quan đến vụ án Trộm cắp tài sản do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đang thụ lý điều tra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định xử lý vật chứng số 42 ngày 22/11/2023, trả lại tài sản cho chủ sở hữu gồm:

- Trả lại cho bà Tạ Nguyệt Hân, sinh ngày 11/6/1960, nơi thường trú: Số 26, Đường số 2, khu nhà ở Thanh Nhựt, Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA; số loại: AIR BLADE 1501; màu sơn: Đỏ; số khung: RLHJF6332LZ060745; số máy: JF94E0151165.

- Trả lại cho bà Huỳnh Thị Ngọc Huyền, sinh ngày 20/8/2000, nơi thường trú: Tổ 1, khóm 6, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA; số loại: VARIO 150; màu sơn: Trắng; số khung: MH1KF4110KK683969; số máy: KF41E1686679.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh Thanh, sinh năm 1981, nơi thường trú: thôn Ninh Điền, xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA; số loại: SH MODE; màu sơn: Trắng, số khung: RLHJF5154KZ051560; số máy: JF87E5120557.

- Trả lại cho bà Lê Thị Vân, sinh ngày 11/8/1999, nơi thường trú: Thôn 8, xã Cư Ni, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA; số loại: VARIO 125; màu sơn: trắng, số khung: MHIJM5118MK968784; số máy: JM51E1967980.

- Trả lại cho ông Lê T Giang, sinh năm 2000, nơi thường trú: Thôn Mai Dương, xã Quảng Phước, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA; số loại: VARIO 150; màu sơn: Đen; số khung: MH1JM5115LK592690; số máy: JM51E1592008.

- Trả lại cho ông Nguyễn Thanh Hải, sinh năm 1977, nơi thường trú: Tổ 13, khu phố Hương Điền, phường Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: HONDA, số loại: FUTURE FI; màu sơn: Đỏ, số khung: RLHJC7633JZ012033; số máy: JC76E0317703.

- Giao lại cho ông Lại Thanh B số tiền Việt Nam là 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2024/HSST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Nhựt T, Phan Phúc H, Phạm Hoàng Đ, Lê Minh K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1.1 Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174 và điểm b, khoản 3, 4 Điều 341; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm a, b, g khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 17, 50, 54, 55, 56, 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Nhựt T 05 (năm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 (bốn) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội danh là 09 (chín) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 04 (bốn) năm tù tại Bản án số 40/2023/HSST, ngày 04/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/11/2022.

1.2 Căn cứ điểm a, c khoản 2, khoản 5 Điều 174 và điểm a, b, d khoản 2, khoản 4 Điều 341; điểm b khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 17, 50, 55, 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Phúc H 04 (bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 04 (bốn) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt chung của hai tội danh là 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/07/2023.

1.3 Căn cứ điểm a, c khoản 2, khoản 5 Điều 174 và điểm a, b, d, khoản 2, khoản 4 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 17, 50, 55, 56, 58 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Phạm Hoàng Đ 04 (bốn) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 (ba) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội danh là 07 (bảy) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm tù tại Bản án số 40/2023/HSST, ngày 04/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 20/11/2022.

1.4 Căn cứ điểm a, c khoản 2, khoản 5 Điều 174 và điểm a, b, d khoản 2, khoản 4 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 17, 50, 55, 56, 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Minh K 04 (bốn) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 (ba) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội danh là 07 (bảy) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm, 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 40/2023/HSST, ngày 04/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 09 (chín) năm, 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 20/11/2022.

Tuyên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào các Điều 584, 586, 587 Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Phạm Nhật T, Lê Minh K liên đới bồi thường cho bị hại Bình, Hằng là 112.000.000đ (một trăm mười hai triệu đồng).

Buộc các bị cáo Phạm Nhật T, Lê Minh K, Phạm Hoàng Đ liên đới bồi thường cho bị hại Hải là 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng).

Buộc các bị cáo Phạm Nhật T, Phạm Hoàng Đ liên đới bồi thường cho bị hại Bình, Hằng là 57.000.000đ (năm mươi bảy triệu đồng).

Buộc các bị cáo Phạm Nhật T, Phan Phúc H liên đới bồi thường cho bị hại Bình, Hằng là 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng)

Buộc các bị cáo Phạm Nhật T, Phan Phúc H liên đới bồi thường cho bị hại Hải là 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

Đối với số tiền các bị cáo T, K, Đ nộp khắc phục là 8.000.000đ bao gồm: số tiền 3.000.000đ theo biên lai thu số No 0006859, ngày 18/03/2024 của bị K; số tiền 2.000.000đ theo biên lai thu số No 0000389, ngày 20/12/2023 của bị cáo

Đ; số tiền 3.000.000đ của bị cáo T theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/03/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long được khấu trừ lại khi thi hành trách nhiệm dân sự của các bị cáo đối với các bị hại. Giao cho bị hại Lại Thanh B, chị Nguyễn Thị L nhận số tiền 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*) và anh Lê Chí H nhận số tiền 4.000.000đ (*bốn triệu đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 26/3/2024, bị cáo Phan Phúc H có đơn kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại toàn bộ hồ sơ vụ án có đúng với hành vi bị cáo đã gây ra hay không.

Ngày 08/4/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T ban hành Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKSTB với nội dung:

Kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2024/HS-ST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện T.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm theo hướng:

+ Tăng mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Nhựt T

+ Xử các bị cáo Phan Phúc H, Phạm Hoàng Đ và Lê Minh K về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

+ Buộc các bị cáo Phạm Nhựt T, Phan Phúc H, Phạm Hoàng Đ và Lê Minh K phải liên đới bồi thường phần trách nhiệm dân sự cho các bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo T, Đ, K thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử, các bị cáo xin hội đồng xét xử giữ y án sơ thẩm. Riêng bị cáo H xin giảm nhẹ hình phạt và xin xem xét hành vi của bị cáo phạm tội không có tổ chức với các bị cáo khác trong cùng vụ án này, bị cáo thừa nhận có sử dụng giấy tờ giả đem đi cầm một chiếc xe nhãn hiệu HONDA loại VARIO tại dịch vụ cầm đồ B với số tiền 27.000.000 đồng, sau khi bị phát hiện thì gia đình H đã chuộc lại xe.

Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nguyên nhân, H quả mà bị cáo đã gây ra; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, sửa bản án sơ thẩm.

•Đề nghị căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174 và điểm b, khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm a, b, g khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 17, 50, 55, 56, 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Nhựt T** 08 (Tám) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 04 (Bốn) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội danh là 12 (Mười hai) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 04 (*bốn*) năm tù tại Bản án số 40/2023/HSST, ngày 04/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/11/2022.

•Đề nghị căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174 và điểm b, khoản 3 Điều 341; điểm b khoản 1 Điều 51; điểm a,b, g, h khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 17, 50, 55, 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phan Phúc H** 08 (Tám) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 04 (Bốn) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội danh là 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/07/2023.

•Đề nghị căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174 và điểm b, khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a, b, g khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 17, 50, 55, 56, 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Hoàng Đ** 07 (Bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 (Ba) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội danh là 10 (Mười) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 02 (*hai*) năm tù, tại Bản án số 40/2023/HSST, ngày 04/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 20/11/2022.

•Đề nghị căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174 và điểm b, khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm a, b, g khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 17, 50, 55, 56, 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Minh K** 07 (Bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 (Ba) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội danh là 10 (Mười) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 02 (*hai*) năm, 06 (*sáu*) tháng tù, tại Bản án số 40/2023/HSST, ngày 04/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 12 (Mười hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 20/11/2022.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo H phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo H, không chấp nhận kháng nghị của Viện

trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T và quan điểm của vị kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo H phạm tội không có tổ chức cùng các bị cáo khác trong cùng vụ án này và không có tính chất chuyên nghiệp như quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát đã đề nghị. Đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ thật thà khai báo theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo H.

Sau phát biểu tranh luận đối đáp, kiểm sát viên và vị luật sư bào chữa cho bị cáo H bảo lưu ý kiến đã đề nghị.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin được giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T và kháng cáo của bị cáo Phan Phúc H đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị, bị cáo H giữ nguyên kháng cáo.

Trên cơ sở từ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai các bị hại, kết quả trưng cầu giám định và các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Từ đó có đủ căn cứ để xác định: Các bị cáo Phạm Nhật T, Lê Minh K, Phạm Hoàng Đ và Phan Phúc H là các đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, để có tiền tiêu xài, các bị cáo mua các xe mô tô không rõ nguồn gốc và sử dụng các loại giấy tờ giả như giấy Đ ký xe mô tô giả, biển số kiểm soát xe giả, căn cước công dân giả gắn hình của K, Đ, T, H rồi đem xe đi cầm cho các bị hại nhằm chiếm đoạt tiền của các bị hại để tiêu xài cá nhân. Với thủ đoạn này, các bị cáo đã mang 09 (chín) xe mô tô gắn biển số giả và Giấy căn cước công dân giả mang hình ảnh của các bị cáo để đi đến các cửa hàng dịch vụ cầm đồ B và H thuộc xã S, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để chiếm đoạt tài sản trong khoảng thời gian từ 10/10/2022 đến ngày 30/10/2022, cụ thể như sau:

Tại Tiệm cầm đồ B: T và K đi cầm 5 lần; T và H đi cầm 1 lần và 01 lần H đi cầm một mình, chiếm đoạt tổng cộng 221.000.000đ.

Tại Tiệm cầm đồ H: T, K, Đ đi cầm 01 lần; T và H đi cầm 01 lần, gây thiệt hại tổng cộng 40.000.000đ.

Đây là vụ án đồng phạm có tổ chức, giữa các bị cáo có sự bàn bạc, thống nhất và phân công nhiệm vụ chặt chẽ. Trong đó bị cáo T và bị cáo H có vai trò chính trong việc đặt mua xe và các giấy tờ giả, biển số xe giả, phân công cho bị cáo Đ và bị cáo K trực tiếp đi cầm xe để chiếm đoạt tiền của các bị hại. Tuy

trong quá trình điều tra bị cáo H không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng với những chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án đã chứng minh được vai trò đồng phạm của bị cáo H cùng các bị cáo khác.

Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Đối với các bị cáo H, Đ và K bị tuyên xử phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a, c khoản 2, khoản 5 Điều 174 và điểm a,b,d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là chưa phù hợp với bản chất vụ án có tính chất đồng phạm có tổ chức.

[3] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp của công dân về tài sản; xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức. Hành vi của các bị cáo không những gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương mà còn góp phần tiếp tay cho các loại tội phạm khác. Xuất phát từ việc không có việc làm ổn định, lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải bỏ sức lao động nên các bị cáo đã sử dụng giấy Đ ký mô tô, xe gắn máy và căn cước công dân giả để đem các xe mô tô không có giấy tờ hợp pháp đến các tiệm cầm đồ của bị hại, dùng các thủ đoạn gian dối để thực hiện hành vi phạm tội và chiếm đoạt tài sản của bị hại. Như đã nhận định, đây là vụ án có tính chất đồng phạm có tổ chức, các bị cáo có sự bàn bạc và phân công vai trò cụ thể như sau:

Bị cáo T là người tổ chức và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. T cùng H có vai trò chính trong việc cung cấp tiền đặt mua xe không rõ nguồn gốc và các giấy tờ giả, biển số xe giả.

Bị cáo K và Đ là người thực hiện, sau khi T mua được xe và các giấy tờ giả sẽ giao xe cho K và Đ thay biển số xe giả vào và thay phiên mang nhau mang xe cùng các giấy tờ giả này đi cầm cố hoặc bán lại cho người khác để chiếm đoạt tài sản.

Đây là vụ án đồng phạm có tổ chức nên các bị cáo đều phải chịu chung một khung hình phạt về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Tòa cấp sơ thẩm căn cứ vào số lần đi cầm xe của các bị cáo để xử phạt bị cáo T và các đồng phạm ở 02 khung hình phạt khác nhau là chưa đảm bảo xử lý đúng bản chất vụ án và chưa đủ sức răn đe, giáo dục đối với các bị cáo. Vì việc dùng giấy tờ giả đi cầm xe chỉ là bước cuối cùng của chuỗi hành vi phạm tội của các bị cáo.

Các bị cáo đều là thanh niên, có sức khỏe, có khả năng lao động để tạo thu

nhập chính đáng nhưng vì động cơ vụ lợi cho bản thân lại lừa lao động, thích hưởng thụ mà các bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần thể hiện các bị cáo xem thường sự trừng phạt của pháp luật. Vì vậy, đối với các bị cáo cần phải xử lý nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm về hành vi của các bị cáo, nhằm giáo dục riêng bị cáo trở thành công dân hữu ích và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về trách nhiệm dân sự, cấp sơ thẩm căn cứ vào số tiền chiếm đoạt của từng lần các bị cáo đi cầm xe cho bị hại để xác định trách nhiệm bồi thường đối với từng bị cáo là chưa phù hợp với tính chất vụ án có đồng phạm. Bởi lẽ: bị cáo T và bị cáo H xuất tiền ra để mua xe không rõ nguồn gốc và giấy tờ giả, bản số xe giả rồi phân công bị cáo Đ, bị cáo K đem đi cầm, chiếm đoạt số tiền của các bị hại tổng cộng 261.000.000 đồng. Sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội thì gia đình bị cáo H đã chuộc lại xe mà bị cáo H cầm cho dịch vụ cầm đồ B số tiền 27.000.000 đồng. Số tiền các bị cáo cầm xe có được giao lại cho bị cáo T, sau đó bị cáo T có chia cho bị cáo K 2.900.000 đồng, chia cho bị cáo Đ 1.750.000 đồng. Số tiền còn lại do bị cáo T quản lý để tổ chức ăn nhậu và cùng bị cáo H tiếp tục mua xe không rõ nguồn gốc khác. Do đó, buộc bị cáo T và bị cáo H cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho các bị hại số tiền 229.350.000 đồng. Buộc bị cáo K bồi thường 2.900.000 đồng, bị cáo Đ bồi thường 1.750.000 đồng.

Đối với số tiền gia đình các bị cáo T, K, Đ nộp khắc phục là 8.000.000đ bao gồm: số tiền 3.000.000đ theo biên lai thu số No 0006859, ngày 18/03/2024 của bị cáo K; số tiền 2.000.000đ theo biên lai thu số No 0000389, ngày 20/12/2023 của bị cáo Đ; số tiền 3.000.000đ của bị cáo T theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/03/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long sẽ được xem xét phân trách nhiệm dân sự của từng bị cáo đối với các bị hại.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt nhưng không buộc trách nhiệm chậm thi hành án theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự là thiếu sót nên cấp phúc thẩm cần bổ sung để đảm bảo quyền lợi cho các bị hại.

Do sửa án sơ thẩm về trách nhiệm bồi thường nên sửa phần nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, xét thấy kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ để chấp nhận một phần.

Xét kháng cáo của bị cáo Phan Phúc H là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Xét quan điểm của vị luật sư bào chữa cho bị cáo H là chưa có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của kiểm sát viên có cơ sở chấp nhận như đã nhận định trên.

[6] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo T và bị cáo H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền buộc bồi thường.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Phúc H. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2024/HSST ngày 25/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

1.1 Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174; điểm b, khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; các Điều 38, 17, 50, 55, 56, 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Nhựt T** 08 (Tám) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 04 (Bốn) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội danh là 12 (Mười hai) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 04 (Bốn) năm tù tại Bản án số 40/2023/HSST, ngày 04/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 23/11/2022.

1.2 Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174 và điểm b, khoản 3 Điều 341; điểm b khoản 1 Điều 51; điểm a, b, g, h khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 17, 50, 55, 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phan Phúc H** 08 (Tám) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 04 (Bốn) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội danh là 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 11/07/2023.

1.3 Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174; điểm b, khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; các Điều 38, 17, 50, 55, 56, 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Phạm Hoàng Đ** 07 (Bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 (Ba) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội danh là 10 (Mười) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 02 (Hai) năm tù tại Bản án số 40/2023/HSST, ngày 04/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 20/11/2022.

1.4 Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 174; điểm b, khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm a, b, g khoản 1 Điều 52; các Điều 38, 17, 50, 55, 56, 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Minh K** 07 (Bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 (Ba) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội danh là 10 (Mười) năm tù.

Tổng hợp với hình phạt 02 (Hai) năm, 06 (Sáu) tháng tù tại Bản án số 40/2023/HSST, ngày 04/08/2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 12 (Mười hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 20/11/2022.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 288; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 587 của Bộ luật Dân sự.

Buộc các bị cáo Phạm Nhật T, Phan Phúc H có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Lại Thanh B, Nguyễn Thị L số tiền còn lại là 191.100.000 đồng (*Một trăm chín mươi một triệu một trăm nghìn đồng*) và liên đới bồi thường cho bị hại Lê Chí H số tiền còn lại là 38.250.000 đồng (*Ba mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Buộc bị cáo Lê Minh K bồi thường cho bị hại Lại Thanh B, Nguyễn Thị L số tiền 2.900.000 đồng (*Hai triệu chín trăm nghìn đồng*).

Buộc bị cáo Phạm Hoàng Đ bồi thường cho bị hại Lê Chí H số tiền 1.750.000 đồng (*Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Số tiền gia đình các bị cáo T, K, Đ nộp khắc phục là 8.000.000 đồng bao gồm: số tiền 3.000.000 đồng theo biên lai thu số No 0006859, ngày 18/03/2024 của bị cáo K; số tiền 2.000.000 đồng theo biên lai thu số No 0000389, ngày 20/12/2023 của bị cáo Đ; số tiền 3.000.000 đồng của bị cáo T, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/03/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Vĩnh Long sẽ được xem xét khấu trừ phần trách nhiệm dân sự của từng bị cáo đối với các bị hại.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền trên thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Buộc các bị cáo Phạm Nhật T, Phan Phúc H phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 11.467.500 đồng (*Mười một triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSNDTC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND + VKSND HTB: 09;
- CQTHADS HTB: 01;
- CQTHAHS HTB: 01;
- Trại giam, BC: 08;
- P.HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01,
- UBND xã, phường, thị trấn: 04;
- TNV+P KTNV: 02;
- Lưu: 04 .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lâm Văn Năm